

Số: 728 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án: Khu dân cư phía Tây đường Trương Định,
Phường Trần Phú, thị xã Quảng Ngãi**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:.....3.234.....
	Ngày: 24/5/13.....CHỦ
	Chuyên:.....

TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2005/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/2/2011 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 09/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 2973/QĐ-CT ngày 11/11/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án đầu tư: Khu dân cư phía Tây đường Trương Định, Phường Trần Phú, thị xã Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1106/QĐ-CT ngày 09/5/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường để giải phóng mặt bằng xây dựng khu dân cư phía Tây Trương Định, Phường Trần Phú, thị xã Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1273/QĐ-CT ngày 23/5/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án: Khu dân cư phía Tây đường Trương Định, Phường Trần Phú, thị xã Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1745/QĐ-CT ngày 20/6/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán hạng mục: Nền mặt đường, tín hiệu giao thông dự án: Khu dân cư phía Tây đường Trương Định, Phường Trần Phú, thị xã Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-CT ngày 20/6/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán hạng mục: Trồng cây xanh dự án: Khu dân cư phía Tây đường Trương Định, Phường Trần Phú, thị xã Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-CT ngày 20/6/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán hạng mục: Điện chiếu sáng+ Điện sinh hoạt dự án: Khu dân cư phía Tây đường Trương Định, Phường Trần Phú, thị xã Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-CT ngày 27/6/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán hạng

mục: San nền, Vĩa hè, Hệ thống cấp, thoát nước, Vườn hoa dự án: Khu dân cư phía Tây đường Trương Định, Phường Trần Phú, thị xã Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1831/QĐ-CT ngày 29/6/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt tổng dự toán dự án: Khu dân cư phía Tây đường Trương Định, Phường Trần Phú, thị xã Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 2228/QĐ-UBND ngày 08/11/2005 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường để giải phóng mặt bằng xây dựng khu dân cư Phía tây Trương Định, Phường Trần Phú, thị xã Quảng Ngãi (Phương án bổ sung)

Căn cứ Quyết định số 3992/QĐ-CT ngày 30/12/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự toán điều chỉnh (Điều chỉnh theo Thông tư 16/2005/TT-BXD) hạng mục: Nền, mặt đường, bó vỉa và tín hiệu giao thông dự án: Khu dân cư phía Tây đường Trương Định, Phường Trần Phú, thị xã Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 17/01/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự toán điều chỉnh hạng mục: Điện chiếu sáng+ Điện sinh hoạt dự án: Khu dân cư phía Tây đường Trương Định, Phường Trần Phú, thị xã Quảng Ngãi (Điều chỉnh theo Thông tư 16/2005/TT-BXD);

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán (Điều chỉnh theo Thông tư 16/2005/TT-BXD) hạng mục: San nền, Vĩa hè, hệ thống cấp, thoát nước, vườn hoa dự án: Khu dân cư phía Tây đường Trương Định, Phường Trần Phú, thị xã Quảng Ngãi ;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh tổng dự toán (Điều chỉnh theo Thông tư 16/2005/TT-BXD) dự án: Khu dân cư phía Tây đường Trương Định, Phường Trần Phú, thị xã Quảng Ngãi ;

Xét Tờ trình số 285A/TTr-TTPTĐ ngày 17/9/2012 của Trung tâm Phát triển quỹ đất về việc thẩm tra, phê duyệt quyết toán công trình: Khu dân cư phía Tây Trương Định, Phường Trần Phú, thị xã Quảng Ngãi; trên cơ sở kết quả thẩm tra tại Báo cáo số 61/BC-STC-ĐT ngày 15/5/2013 của Sở Tài chính Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành:

- Tên công trình: Khu dân cư phía Tây Trương Định, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi ;
- Chủ đầu tư: Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi;
- Địa điểm xây dựng: Phía Tây đường Trương Định, Phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi;
- Thời gian khởi công - hoàn thành: 2006-02/2012;

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư

Đơn vị: đồng

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Thanh toán tiếp cho dự án
Tổng cộng	13.273.804.697	13.045.274.000	228.530.697
- Vốn NSNN (từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất đồng)	13.273.804.697	13.045.274.000	228.530.697
- Vốn khác	0	0	0

2. Chi phí đầu tư

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
Tổng số	13.333.289.000	13.273.804.697
- Xây dựng	6.214.734.276	6.155.928.509
- Chi phí Quản lý dự án	75.940.000	61.352.000
- Chi phí Tư vấn	320.241.536	315.231.000
- Chi phí khác	57.850.000	76.770.000
- Chi phí đền bù GPMB	6.664.523.188	6.664.523.188
- Dự phòng chi	0	0

(chi tiết các khoản chi phí theo phụ lục số 1 kèm theo)

3. Chi phí đầu tư thiệt hại được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

Đơn vị: đồng

Nội dung	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý		Công trình giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
Tổng số	0		13.273.804.697	
1. Tài sản cố định	0		13.273.804.697	
2. Tài sản lưu động	0		0	

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Nguồn vốn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng cộng	13.273.804.697	
- Vốn NSNN (từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất đồng)	13.273.804.697	
- Vốn khác	0	

- Tình hình công nợ tính đến thời điểm thẩm tra là:
- + Nợ phải thu: -12.537.491 đồng.
- + Nợ phải trả: 241.068.188 đồng.
- Nguồn vốn thanh toán trả nợ: Từ nguồn vốn cấp vượt cho dự án và nguồn vốn ngân sách bổ sung (từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất 228.530.697 đồng).

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục số 2 kèm theo)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)
UBND thành phố Quảng Ngãi	13.273.804.697	0

3. Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành số 61/BC-STC-ĐT ngày 15/5/2013 của Sở Tài chính và nội dung quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Các sở ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Sở Tài Nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi; Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT(NL) UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(TV396).

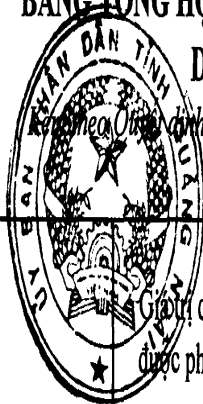


Phạm Trường Thọ

PHỤ LỤC SỐ 1

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỢC QUYẾT TOÁN

Dự án: Khu dân cư phía Tây Trưng Định



Đính số: 728 /QĐ-UBND ngày 24/5/2013 của UBND Quảng Ngãi

Đơn vị tính: đồng

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
I	Chi phí xây dựng	6.214.734.276	6.213.680.509	6.155.928.509	-58.805.767	-57.752.000
1	Giá trị trúng thầu	5.855.845.344	5.854.791.509	5.854.791.509	-1.053.835	0
a	Gói thầu số 2	1.825.930.000	1.825.930.509	1.825.930.509	509	0
b	Gói thầu số 3	2.241.898.000	2.241.898.000	2.241.898.000	0	0
c	Gói thầu số 4	1.258.951.000	1.258.951.000	1.258.951.000	0	0
d	Gói thầu số 5	529.066.344	528.012.000	528.012.000	-1.054.344	0
2	Giá trị điều chỉnh theo Thông tư 03/2008/TT-BXD ngày 25/01/2008 và TT 09/2008/TT-BXD ngày 17/4/2008 của Bộ xây dựng	205.614.932	205.615.000	147.863.000	-57.751.932	-57.752.000
a	Gói thầu số 3	110.844.000	110.844.000	77.635.000	-33.209.000	-33.209.000
b	Gói thầu số 4	94.770.932	94.771.000	70.228.000	-24.542.932	-24.543.000
3	Giá trị phát sinh	153.274.000	153.274.000	153.274.000	0	0
a	Hệ thống thoát nước	72.532.000	72.532.000	72.532.000	0	0
b	Hệ thống đầu nổi	26.549.000	26.549.000	26.549.000	0	0
c	Phát sinh (Tường rào+Kê chắn vườn hoa)	54.193.000	54.193.000	54.193.000	0	0
II	Chi phí Đền bù GPMB	6.664.523.188	6.664.523.188	6.664.523.188	0	0
III	Chi phí QLDA	75.940.000	61.352.000	61.352.000	-14.588.000	0
IV	Chi phí tư vấn và ĐT XD	320.241.536	318.703.000	315.231.000	-5.010.536	-3.472.000
1	Đo bản đồ địa chính, cắm mốc giới	30.803.000	30.803.000	30.803.000	0	0
2	Lập dự án đầu tư	30.744.000	29.208.000	29.208.000	-1.536.000	0
3	Khảo sát địa chất	139.544.536	139.545.000	136.073.000	-3.471.536	-3.472.000

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
4	Chi phí thiết kế qui hoạch	36.812.000	36.812.000	36.812.000	0	0
5	Giám sát thi công xây dựng	71.327.000	71.324.000	71.324.000	-3.000	0
6	Lập HSMT+ Đánh giá HSDT	11.011.000	11.011.000	11.011.000	0	0
V	Chi khác	57.850.000	55.845.000	76.770.000	18.920.000	20.925.000
1	Thẩm định dự án	2.005.000	0	0	-2.005.000	0
2	Chi phí thẩm định HSBV thiết kế qui hoạch	4.051.000	4.051.000	4.051.000	0	0
3	Thẩm định TKBVTC-DT	7.362.000	7.362.000	7.362.000	0	0
4	Bảo hiểm công trình	31.437.000	31.437.000	31.437.000	0	0
5	Chi phí phê duyệt quyết toán	12.995.000	12.995.000	33.920.000	20.925.000	20.925.000
	Tổng cộng	13.333.289.000	13.314.103.697	13.273.804.697	-59.484.303	-40.299.000

PHỤ LỤC SỐ 2

BẢNG CÔNG NỢ



Khu dân cư phía Tây Trung Định

(Kèm theo Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 15/5/2013 của UBND Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Đơn vị	Số quyết toán	Số thanh toán	Trong đó	
					Phải Thu	Phải trả
	Xây dựng		6.155.928.509	6.074.628.000	-12.537.491	93.838.000
1	Gói thầu số 2	Công ty TNHH Phước Thịnh	1.898.462.509	1.911.000.000	-12.537.491	0
2	Gói thầu số 3	LD Công ty TNHH Thành Tín và Cty TNHH Thiên Vũ	2.319.533.000	2.298.154.000	0	21.379.000
3	Gói thầu số 4	Cty TNHH Thành Tín	1.383.372.000	1.310.913.000	0	72.459.000
4	Gói thầu số 5	Công ty xây dựng Thuận An	528.012.000	528.012.000	0	0
5	Hệ thống đầu nổi cấp nước	Công ty Cổ phần cấp thoát nước và XD Quảng Ngãi	26.549.000	26.549.000	0	0
II	Đền bù, GPMB		6.664.523.188	6.563.214.000	0	101.309.188
1	Chi trả trực tiếp	Trả cho dân	6.525.129.258	6.423.820.070	0	101.309.188
2	Chi phí phục vụ đền bù	Ban ĐB và GPMB thành phố	119.307.465	119.307.465	0	0
3	Thẩm định phương án đền bù	Sở Tài chính Quảng Ngãi	13.000.465	13.000.465	0	0
4	Chi cường chế	Trung tâm phát triển quỹ đất	7.086.000	7.086.000	0	0
III	Chi phí quản lý dự án	Trung tâm phát triển quỹ đất	61.352.000	61.352.000	0	0
IV	Chi phí TV đầu tư xây dựng		315.231.000	303.230.000	0	12.001.000
1	Đo bản đồ địa chính, cắm mốc giới	Trung tâm kỹ thuật TN và MT	30.803.000	30.803.000	0	0
2	Lập dự án đầu tư	Cty tư vấn và Kiểm định xây dựng	29.208.000	20.000.000	0	9.208.000

STT	NỘI DUNG	Đơn vị	Số quyết toán	Số thanh toán	Trong đó	
					Phải Thu	Phải trả
3	Khảo sát, thiết kế	Cty tư vấn và Kiểm định xây dựng	125.346.000	125.346.000	0	0
4	Khảo sát, thiết kế KT điện chiếu sáng	Cty tư vấn xây dựng công trình	10.727.000	10.727.000	0	0
5	Chi phí thiết kế qui hoạch	Xí nghiệp tư vấn thiết kế Sông Đà 17.3	36.812.000	36.812.000	0	0
6	Giám sát thi công xây dựng	Ct CP tư vấn XD và ĐT Quảng Ngãi	71.324.000	68.531.000	0	2.793.000
7	Lập HSMT+ Đánh giá HSDT	Cty tư vấn và Kiểm định xây dựng	11.011.000	11.011.000	0	0
V	Chi phí khác		76.770.000	42.850.000	0	33.920.000
1	Chi phí thẩm định HSBV thiết kế	Ban quản lý Thành phố	4.051.000	4.051.000	0	0
2	Phí Thẩm định	Trung tâm phát triển quỹ đất	7.362.000	7.362.000	0	0
3	Bảo hiểm công trình	Công ty Bảo hiểm Quảng Ngãi	31.437.000	31.437.000	0	0
4	Chi phí phê duyệt quyết toán	Sở Tài chính Quảng Ngãi	33.920.000	0	0	33.920.000
	Tổng cộng		13.273.804.697	13.045.274.000	-12.537.491	241.068.188
Bù trừ công nợ					228.530.697	